

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *15*/SAVINA/CV/2021

V/v: Công bố thông tin BCTC kiểm toán năm
2020

Hà Nội, ngày *24* tháng 03 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
2. Mã chứng khoán : VNB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
5. Người thực hiện công bố thông tin: Cao Tiến Bình
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT



CAO TIẾN BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 16/SAVINA/CV/2021

V/v: Giải trình chênh lệch BCTC năm 2020

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
2. Mã chứng khoán : VNB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: (024) 3.9348790 Fax: (024) 3.9341591
5. Người thực hiện công bố thông tin: Cao Tiến Bình
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố:
 - Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước: Xem Bản giải trình biến động Kết quả Kinh doanh Báo cáo Tài chính Năm 2020 dưới đây.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>
Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBBT**



CAO TIẾN BÌNH



**BẢN GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020**

Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ chênh lệch %
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.353.694.277	38.862.197.601	(2.508.503.324)	-6%
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	36.353.694.277	38.862.197.601	(2.508.503.324)	-6%
11	4. Giá vốn hàng bán	25.567.719.114	27.007.472.278	(1.439.753.164)	-5%
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	10.785.975.163	11.854.725.323	(1.068.750.160)	-9%
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	59.593.322.012	114.482.417.631	(54.889.095.619)	-48%
22	7. Chi phí tài chính	272.284.736	(9.143.889.768)	9.416.174.504	-103%
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay				
25	8. Chi phí bán hàng	5.895.368.654	6.262.566.347	(367.197.693)	-6%
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.903.770.616	20.684.705.151	219.065.465	1%
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	43.607.873.169	108.533.761.224	(64.925.888.055)	-60%
31	11. Thu nhập khác	212.236.109	1.346.656.832	(1.134.420.723)	-84%
32	12. Chi phí khác	3.567.000	3.567.000		
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	208.669.109	1.346.656.832	(1.137.987.723)	-85%
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	43.816.542.278	109.880.418.056	(66.063.875.778)	-60%
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.160.602.650	20.234.642.712	(14.074.040.062)	-70%
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	37.655.939.628	89.645.775.344	(51.989.835.716)	-58%

Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp KQKD giữa hai kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2020 là: 37.656 triệu đồng; giảm 58% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 2.509 triệu đồng; giá vốn giảm 1.440 triệu đồng nên lợi nhuận gộp giảm 1.069 triệu đồng; tương đương giảm 9%.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 54.589 triệu đồng, tương đương giảm 48%.
- Chi phí tài chính tăng 9.416 triệu đồng do năm 2019 hoàn nhập khoản trích lập dự phòng hoạt động đầu tư khác.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 148 triệu đồng, tương đương giảm 1%.
- Chi phí thuế TNDN giảm 14.074 triệu đồng, tương đương giảm 70%.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 33

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 23 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên	
Bà Vũ Thị Hồng Xiêm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Thanh Mai	Thành viên	
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên	
Ông Trần Lê Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Mai	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cao Tiến Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Cao Tiến Bình, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Cao Tiến Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61306203/21949983

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 24 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1

Ngô Thị Phương Nhung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3069-2019-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		178.611.020.929	838.862.916.449
110	I. Tiền	5	1.689.149.298	2.086.461.938
111	1. Tiền		1.689.149.298	2.086.461.938
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	163.500.000.000	176.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		163.500.000.000	176.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.445.904.793	651.233.844.585
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	2.991.400.692	2.925.980.876
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		413.333.333	413.333.333
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	550.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.056.504.102	97.892.122.016
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(15.333.334)	-
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	2.408.360
140	IV. Hàng tồn kho	9	7.975.966.838	9.042.609.926
141	1. Hàng tồn kho		8.989.994.157	10.205.755.822
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.014.027.319)	(1.163.145.896)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		719.583.901.378	27.975.199.714
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		694.114.452.054	135.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	10	550.000.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	144.114.452.054	135.000.000
220	II. Tài sản cố định		6.121.530.760	7.127.595.990
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	6.080.381.055	7.040.152.889
222	Nguyên giá		21.195.260.896	21.195.260.896
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.114.879.841)	(14.155.108.007)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	41.149.705	87.443.101
228	Nguyên giá		231.467.000	231.467.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(190.317.295)	(144.023.899)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	8.578.412.443	9.865.219.891
231	1. Nguyên giá		30.568.731.091	30.568.731.091
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(21.990.318.648)	(20.703.511.200)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.000.000.000	6.000.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	6.000.000.000	6.000.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		4.322.500.000	4.322.500.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15	4.322.500.000	4.322.500.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		447.006.121	524.883.833
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	447.006.121	524.883.833
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		898.194.922.307	866.838.116.163

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		12.534.998.497	18.834.131.981
310	I. Nợ ngắn hạn		12.296.998.497	18.487.631.981
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	7.538.671.337	9.712.506.700
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		61.730.586	302.057.583
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	2.451.425.945	6.270.213.519
314	4. Phải trả người lao động		738.243.047	1.097.799.112
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		262.762.500	131.380.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	666.865.082	564.255.067
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		577.300.000	409.420.000
330	II. Nợ dài hạn		238.000.000	346.500.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		238.000.000	346.500.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		885.659.923.810	848.003.984.182
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	885.659.923.810	848.003.984.182
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		679.099.600.000	679.099.600.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		679.099.600.000	679.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.821.151.584	71.821.151.584
415	3. Cổ phiếu quỹ		(160.500.000)	(160.500.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		134.899.672.226	97.243.732.598
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		97.243.732.598	7.597.957.254
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		37.655.939.628	89.645.775.344
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		898.194.922.307	866.838.116.163

Nguyễn Thị Minh
Người lập

Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Cao Tiến Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2021

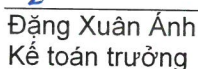
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

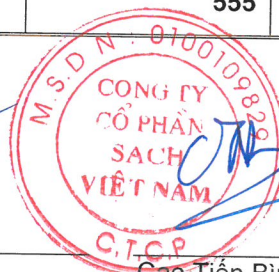
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	36.353.694.277	38.862.197.601
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	36.353.694.277	38.862.197.601
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(25.567.719.114)	(27.007.472.278)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.785.975.163	11.854.725.323
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	59.893.322.012	114.482.417.631
22	7. Chi phí tài chính	23	(272.284.736)	9.143.889.768
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	24	(5.895.368.654)	(6.262.566.347)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(20.903.770.616)	(20.684.705.151)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.607.873.169	108.533.761.224
31	11. Thu nhập khác	25	212.236.109	1.346.656.832
32	12. Chi phí khác		(3.567.000)	-
40	13. Lợi nhuận khác		208.669.109	1.346.656.832
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.816.542.278	109.880.418.056
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	(6.160.602.650)	(20.234.642.712)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		37.655.939.628	89.645.775.344
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	555	1.320
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	555	1.320



Nguyễn Thị Minh
Người lập



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng




Cao Tiên Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		43.816.542.278	109.880.418.056
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	11, 12, 13	2.292.872.678	2.291.702.187
03	Hoàn nhập dự phòng	8, 9	(133.785.243)	(8.022.371.424)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	21.2	(59.883.586.750)	(114.477.510.923)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(13.907.957.037)	(10.327.762.104)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(38.456.557)	3.511.840.130
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		1.215.761.665	(935.638.156)
11	Giảm các khoản phải trả		(2.786.004.308)	(244.828.820)
12	Giảm chi phí trả trước		77.877.712	25.493.482
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(9.673.731.826)	(18.164.065.873)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(25.112.510.351)	(26.134.961.341)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(45.200.000)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(72.500.000.000)	(129.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		85.500.000.000	78.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.050.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	68.580.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.715.197.711	10.124.227.095
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		24.715.197.711	27.109.027.095
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(42.800.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		-	(42.800.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(397.312.640)	931.265.754
60	Tiền đầu năm		2.086.461.938	1.155.196.184
70	Tiền cuối năm	5	1.689.149.298	2.086.461.938



Nguyễn Thị Minh
Người lập

Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Cao Tiến Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 23 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 61 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 60 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

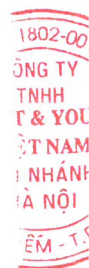
3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 30 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 39 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

► **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.16 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

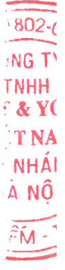
3.17 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc kinh doanh sách và cho thuê bất động sản đầu tư. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động do Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

3.18 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng chống dịch Covid 19 và thực hiện biện pháp cách ly toàn xã hội 15 ngày kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2020, Công ty đã quyết định đóng cửa các điểm kinh doanh bán lẻ kể từ ngày này và mở cửa trở lại từ ngày 23 tháng 4 năm 2020.

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến suy thoái kinh tế và tác động xấu đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành dịch vụ. Tình hình này có thể mang lại những bất ổn và tác động đến môi trường kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Ban Giám đốc Công ty đang liên tục theo dõi các diễn biến đang diễn ra và đánh giá tác động tài chính đối với việc định giá tài sản, các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau khi tình hình dịch tiếp tục diễn biến, sử dụng thông tin tốt nhất thu thập được tại ngày của báo cáo tài chính này.

5. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	69.851.175	53.016.309
Tiền gửi ngân hàng	1.619.298.123	2.033.445.629
TỔNG CỘNG	1.689.149.298	2.086.461.938

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn 6 tháng và hưởng lãi suất từ 3,9%/năm đến 5,8%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 6,8%/năm).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ bán hàng hóa	1.417.469.160	2.404.222.128
<i>Công ty Cổ phần Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm sách Xuân Thu</i>	252.903.800	191.272.400
<i>Công ty TNHH In và Thương mại Nam Khánh</i>	155.290.000	100.130.000
<i>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</i>	-	475.500.000
<i>Hiệu sách Thuật</i>	-	386.137.423
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	1.009.275.360	1.251.182.305
Phải thu từ dịch vụ cho thuê	1.573.931.532	521.758.748
<i>Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam</i>	1.482.190.932	435.973.898
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	91.740.600	85.784.850
TỔNG CỘNG	2.991.400.692	2.925.980.876
Dự phòng phải thu khó đòi	(15.333.334)	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	1.388.024.960	2.459.211.898
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	1.603.375.732	466.768.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khách hàng khó đòi:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	15.333.334	-
Số dư cuối năm	15.333.334	-

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Phải thu lãi cho vay (*)	-	-	94.343.835.615	-
Phải thu lãi tiền gửi	2.056.504.102	-	3.523.731.502	-
Tạm ứng cho nhân viên	-	-	24.554.899	-
TỔNG CỘNG	2.056.504.102	-	97.892.122.016	-
Dài hạn				
Phải thu lãi cho vay (*)	143.979.452.054	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	135.000.000	-	135.000.000	-
TỔNG CỘNG	144.114.452.054	-	135.000.000	-

(*) Đây là khoản lãi phải thu phát sinh từ khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay (Thuyết minh số 10) và sẽ được thu hồi cùng gốc vay khi đáo hạn.

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa	6.243.899.194	(1.014.027.319)	6.697.614.079	(1.163.145.896)
Thành phẩm	2.619.864.112	-	3.309.527.739	-
Hàng ký gửi	97.499.228	-	169.882.381	-
Nguyên vật liệu	28.731.623	-	28.731.623	-
TỔNG CỘNG	8.989.994.157	(1.014.027.319)	10.205.755.822	(1.163.145.896)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.163.145.896	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	107.337.110	1.163.145.896
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(256.455.687)	-
Số cuối năm	1.014.027.319	1.163.145.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ cho vay	550.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	550.000.000.000	-

(i) Số cuối năm là khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay với kỳ hạn ban đầu là 12 tháng, hưởng lãi suất 9%/năm được đảm bảo bằng phần vốn góp của một chủ sở hữu của bên đi vay. Khoản cho vay này sau đó đã được gia hạn thêm 2 năm và sẽ đáo hạn trong tháng 7 năm 2022.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	17.117.521.633	913.524.181	3.164.215.082	21.195.260.896
Mua trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>17.117.521.633</u>	<u>913.524.181</u>	<u>3.164.215.082</u>	<u>21.195.260.896</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	466.377.030	-	466.377.030
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	10.359.625.640	811.149.386	2.984.332.981	14.155.108.007
Khấu hao trong năm	777.529.644	65.869.860	116.372.330	959.771.834
Số cuối năm	<u>11.137.155.284</u>	<u>877.019.246</u>	<u>3.100.705.311</u>	<u>15.114.879.841</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>6.757.895.993</u>	<u>102.374.795</u>	<u>179.882.101</u>	<u>7.040.152.889</u>
Số cuối năm	<u>5.980.366.349</u>	<u>36.504.935</u>	<u>63.509.771</u>	<u>6.080.381.055</u>

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Phần mềm máy tính</i>	
Nguyên giá:		
Số đầu năm		231.467.000
Mua trong năm		-
Số cuối năm		<u>231.467.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Số đầu năm		144.023.899
Hao mòn trong năm		46.293.396
Số cuối năm		<u>190.317.295</u>
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		<u>87.443.101</u>
Số cuối năm		<u>41.149.705</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Nhà cửa</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	<u>27.247.468.212</u>	<u>3.321.262.879</u>	<u>30.568.731.091</u>
Số cuối năm	<u>27.247.468.212</u>	<u>3.321.262.879</u>	<u>30.568.731.091</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	17.539.817.278	3.163.693.922	20.703.511.200
Khấu hao trong năm	<u>1.162.623.312</u>	<u>124.184.136</u>	<u>1.286.807.448</u>
Số cuối năm	<u>18.702.440.590</u>	<u>3.287.878.058</u>	<u>21.990.318.648</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>9.707.650.934</u>	<u>157.568.957</u>	<u>9.865.219.891</u>
Số cuối năm	<u>8.545.027.622</u>	<u>33.384.821</u>	<u>8.578.412.443</u>

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần các tòa nhà tại số 44 Phố Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm; số 22B Phố Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm; Kho Bãi Châm tại Huyện Đông Anh và số 2 Dịch Vọng Phố Chùa Hà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội đang được Công ty sử dụng để cho thuê.

Công ty không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án 22A Hai Bà Trưng (*)	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>

(*) Đây là chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án bất động sản tại khu đất số 22A Phố Hai Bà Trưng, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (*)
Đầu tư vào công ty liên kết	4.322.500.000	-	4.322.500.000	4.322.500.000	-	4.322.500.000
	4.322.500.000	-	4.322.500.000	4.322.500.000	-	4.322.500.000

(*) Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu này chưa được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	27,76	27,76	27,76	27,76

Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0104209630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 10 năm 2009. Công ty này sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 9 tháng 8 năm 2019. Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam có tổng số vốn điều lệ là 14,5 tỷ VND. Hoạt động chính của công ty này là in ấn. Trụ sở chính của công ty này đặt tại số 22B, Phố Hai Bà Trưng, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	338.614.126	324.733.194
Chi phí bảo trì, bảo dưỡng	90.089.897	155.092.610
Các khoản trả trước dài hạn khác	18.302.098	45.058.029
TỔNG CỘNG	447.006.121	524.883.833

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán	7.538.671.337	7.538.671.337	9.712.506.700	9.712.506.700
- Công ty TNHH In và Thương mại Ba Sao	921.687.870	921.687.870	2.707.870	2.707.870
- Nhà Xuất bản Cambridge	566.611.111	566.611.111	2.147.416.112	2.147.416.112
- Công ty TNHH Thương mại Nhất Thống	72.750.000	72.750.000	700.700.000	700.700.000
- Phải trả đối tượng khác	5.977.622.356	5.977.622.356	6.861.682.718	6.861.682.718
TỔNG CỘNG	<u>7.538.671.337</u>	<u>7.538.671.337</u>	<u>9.712.506.700</u>	<u>9.712.506.700</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.901.150.780	6.160.602.650	(9.673.731.826)	2.388.021.604
Thuế thu nhập cá nhân	82.819.365	151.721.596	(207.094.755)	27.446.206
Thuế giá trị gia tăng	286.243.374	898.419.041	(1.148.704.280)	35.958.135
Thuế khác	-	461.108.655	(461.108.655)	-
TỔNG CỘNG	<u>6.270.213.519</u>	<u>7.671.851.942</u>	<u>(11.490.639.516)</u>	<u>2.451.425.945</u>

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Doanh thu chưa thực hiện từ cho thuê nhà và cho thuê đất	666.865.082	564.255.067
TỔNG CỘNG	<u>666.865.082</u>	<u>564.255.067</u>

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	679.099.600.000	71.821.151.584	(117.700.000)	7.597.957.254	758.401.008.838
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	89.645.775.344	89.645.775.344
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(42.800.000)	-	(42.800.000)
Số cuối năm	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	97.243.732.598	848.003.984.182
Năm nay					
Số đầu năm	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	97.243.732.598	848.003.984.182
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	37.655.939.628	37.655.939.628
Số cuối năm	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	134.899.672.226	885.659.923.810

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	
Vốn cổ phần của Tập đoàn					
Vingroup – Công ty CP	443.642.740.000	443.642.740.000	-	443.642.740.000	-
Vốn cổ phần của Nhà nước	67.909.960.000	67.909.960.000	-	67.909.960.000	-
Vốn cổ phần của cổ đông khác	167.546.900.000	167.546.900.000	-	167.546.900.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	71.821.151.584	71.821.151.584	-	71.821.151.584	-
Cổ phiếu quỹ	(160.500.000)	(160.500.000)	-	(160.500.000)	-
TỔNG CỘNG	750.760.251.584	750.760.251.584	-	750.760.251.584	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	679.099.600.000	679.099.600.000
Vốn góp tăng/(giảm) trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>679.099.600.000</u>	<u>679.099.600.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành và đã bán ra công chúng	67.909.960	67.909.960
Cổ phiếu phổ thông	67.909.960	67.909.960
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	15.000	15.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000	15.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang được lưu hành	67.894.960	67.894.960
Cổ phiếu phổ thông	67.894.960	67.894.960
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	36.353.694.277	38.862.197.601
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bán hàng hóa</i>	24.950.129.953	26.711.168.905
<i>Doanh thu từ dịch vụ cho thuê</i>	11.403.564.324	12.151.028.696
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	36.353.694.277	38.862.197.601
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	28.175.106.383	33.498.829.797
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	8.178.587.894	5.363.367.804

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	53.239.640.000
Lãi cho vay	49.635.616.439	49.500.000.001
Lãi tiền gửi	9.763.395.311	11.303.520.922
Cổ tức	484.575.000	434.350.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.735.262	4.906.708
TỔNG CỘNG	59.893.322.012	114.482.417.631

21.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	11.403.564.324	12.151.028.696
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	5.853.399.420	5.391.701.200

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	19.714.319.694	21.615.771.078
Giá vốn của dịch vụ cho thuê	5.853.399.420	5.391.701.200
TỔNG CỘNG	25.567.719.114	27.007.472.278

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư vào đơn vị khác	-	(9.185.517.320)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	272.284.736	41.627.552
TỔNG CỘNG	272.284.736	(9.143.889.768)

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	5.231.663.641	5.487.677.258
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	429.981.842	476.035.435
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	87.513.750	78.958.315
- Chi phí bán hàng khác	146.209.421	219.895.339
TỔNG CỘNG	5.895.368.654	6.262.566.347
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.416.340.457	13.211.630.888
- Chi phí nhân viên	4.469.053.110	5.135.553.141
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.006.065.230	1.002.750.587
- Thuế, phí, lệ phí	722.295.037	885.529.374
- Chi phí đồ dùng văn phòng	192.903.010	215.979.274
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	97.113.772	233.261.887
TỔNG CỘNG	20.903.770.616	20.684.705.151

25. THU NHẬP KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Hoàn nhập các khoản nợ phải trả lâu ngày	-	1.083.763.290
Các khoản khác	212.236.109	262.893.542
TỔNG CỘNG	212.236.109	1.346.656.832

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí sản xuất thành phẩm để bán	815.669.347	3.561.490.374
Chi phí nhân công	9.700.716.751	10.623.230.399
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.292.872.678	2.291.702.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.412.914.271	17.790.415.923
Chi phí khác	1.246.034.990	1.633.624.189
TỔNG CỘNG	33.468.208.037	35.900.463.072

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.134.125.254	20.234.642.712
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	26.477.396	-
TỔNG CỘNG	6.160.602.650	20.234.642.712

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.816.542.278	109.880.418.056
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	8.763.308.456	21.976.083.611
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	96.642.620	170.607.397
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	26.477.396	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư vào đơn vị khác	-	(1.825.178.296)
Cổ tức lợi nhuận được chia	(96.915.000)	(86.870.000)
Thuế TNDN được giảm 30% theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP của Chính phủ (*)	(2.628.910.822)	-
Chi phí thuế TNDN	6.160.602.650	20.234.642.712

(*) Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2020 theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2020 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê nhà	2.829.783.096	2.481.244.620
		Tiền thuê nhà đã thu	1.918.164.830	6.099.126.700
		Chi phí in sách	271.150.000	475.646.500
		Tiền in sách đã trả	298.265.000	576.054.600
		Cổ tức lợi nhuận được chia	484.575.00	434.350.000
Công ty TNHH Một thành viên Vinschool ("Công ty Vinschool")	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	5.094.472.096	2.819.410.476
		Nhận tiền bán hàng	5.009.853.080	2.791.813.320
Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VinAcademy	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	254.332.702	62.712.708
		Nhận tiền bán hàng	254.358.000	62.954.756

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo đàm phán hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: không).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu tiền cho thuê nhà đất	1.482.190.932	435.973.898
Công ty Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu tiền bán hàng	121.184.800	30.795.080
			<u>1.603.375.732</u>	<u>466.768.978</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Nghiệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	476.298.911	604.807.485

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.655.939.628	89.645.775.344
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.655.939.628	89.645.775.344
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	37.655.939.628	89.645.775.344
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	67.894.960	67.894.933
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	67.894.960	67.894.933
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	555	1.320
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	555	1.320

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Công ty chủ yếu hoạt động trong khu vực kinh doanh là lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Kinh doanh sách và bán lẻ khác	Cho thuê bất động sản đầu tư	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
Doanh thu				Tổng cộng
Doanh thu từ bán hàng/dịch vụ ra bên ngoài	24.950.129.953	11.403.564.324	-	36.353.694.277
Giá vốn các bộ phận	24.950.129.953	11.403.564.324	-	36.353.694.277
Kết quả	19.714.319.694	5.853.399.420	-	25.567.719.114
Lợi nhuận góp trước thuế của bộ phận	5.235.810.259	5.550.164.904	-	10.785.975.163
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				33.030.567.115
Lợi nhuận trước thuế				43.816.542.278
Chi phí thuế TNDN				6.160.602.650
Lợi nhuận thuần sau thuế				37.655.939.628
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	16.063.300.091	16.137.010.641	-	32.200.310.732
Tài sản không phân bổ (ii)				865.994.611.575
Tổng tài sản				898.194.922.307
Công nợ bộ phận	7.600.401.923	1.482.165.082	-	9.082.567.005
Công nợ không phân bổ (iii)				3.452.431.492
Tổng công nợ				12.534.998.497

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Kinh doanh sách	Cho thuê bất động sản đầu tư	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
Doanh thu				
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	26.711.168.905	12.151.028.696	-	38.862.197.601
<i>Giá vốn các bộ phận</i>	26.711.168.905	12.151.028.696	-	38.862.197.601
<i>Kết quả</i>	21.615.771.078	5.391.701.200	-	27.007.472.278
<i>Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận</i>				
<i>Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)</i>	5.095.397.827	6.759.327.496	-	11.854.725.323
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>				98.025.692.733
<i>Chi phí thuế TNDN</i>				109.880.418.056
				<u>(20.234.642.712)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế				89.645.775.344
Tài sản và công nợ				
<i>Tài sản bộ phận</i>				35.509.740.016
<i>Tài sản không phân bổ (ii)</i>	19.122.761.377	16.386.978.639	-	831.328.376.147
Tổng tài sản				866.838.116.163
Công nợ bộ phận				
<i>Công nợ không phân bổ (iii)</i>	10.014.328.891	1.320.410.459	-	11.334.739.350
Tổng công nợ				7.499.392.631

(i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác;

(ii) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu khác, các khoản phải thu về cho vay dài hạn; chi phí trả trước dài hạn; và tài sản thiếu chờ xử lý;

(iii) Công nợ không phân bổ bao gồm thuế và các khoản phải nộp nhà nước, phải trả người lao động, chi phí trích trước và các khoản phải trả ngắn hạn khác không phân bổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Rủi ro liên quan đến các hợp đồng thuê đất của Công ty

Công ty hiện đang sử dụng các lô đất và tài sản trên đất tại 22A, 22B Hai Bà Trưng và 50A Hàng Bài, Thành phố Hà Nội làm cơ sở để kinh doanh và để cho thuê văn phòng. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các hợp đồng thuê nhà và hợp đồng thuê nhà đất nêu trên đã hết hạn và Công ty đang thực hiện việc gia hạn các hợp đồng với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty cũng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao hai khu đất tại Kho Bãi Chám, huyện Đông Anh và số 2 Dịch Vọng phố Chùa Hà, Thành phố Hà Nội để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa ký hợp đồng thuê đất với các cơ quan quản lý Nhà nước cho hai khu đất này.

Hàng năm, Công ty nộp tiền thuê đất cho các khu đất trên theo các thông báo của Cục Thuế thành phố Hà Nội.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Minh
Người lập





Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng

Cao Tiến Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2021